



Statement of Investment Policies and Goals

Chính sách và Mục tiêu Đầu tư

Vietnam Par - Post 2006 ('the Segment')

Danh mục Tài sản Có Chia Lãi – sau 2006 (Danh mục)

Company 0188, Subfund 225

Table of Contents

1	Purpose.....	1
1.1	Purpose of the Statement of Investment Policies & Goals	1
1.2	Compliance	1
1.3	Approval Process	2
1.4	Effective Date	3
2	Segment Overview	4
2.1	High Level Product Description	4
2.2	Expected Cash Flows.....	4
2.3	Embedded Guarantees and Options	4
2.4	Liquidity Requirements.....	4
2.5	Currency	5
2.6	Duration.....	5
3	Investment Parameters	5
3.1	Investment Mandate	5
3.2	Reinsurance Treaty Restrictions	5
4	Sign Offs	6

1 Purpose

1.1 Purpose of the Statement of Investment Policies & Goals

This Statement of Investment Policies and Goals (the "Statement") has been prepared by Asset Liability Management to document the manner in which the assets that comprise the segment shall be invested. This Statement should be read in conjunction with the recommended strategies in the Vietnam Liability and Surplus Segment Master Investment Policy. The Statement is a contract between Manulife Vietnam ("MVL") and the Investment Division, which provides the framework for mutually agreed upon investment objectives, guidelines and parameters. Investments shall be selected and held in accordance with the criteria and limitations set forth herein.

Bản Chính sách và Mục tiêu Đầu tư ("Chính sách") đã được Bộ phận Quản lý Nợ Có chuẩn bị để ghi nhận cách thức mà các tài sản sẽ được đầu tư trong danh mục này. Chính sách này cần được đọc đồng thời với các chiến lược được khuyến nghị trong Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ thuộc Chính sách Đầu tư Tổng thể Việt Nam. Bản Chính sách này là hợp đồng giữa Manulife Việt Nam và Bộ Phận Đầu tư, tạo ra khuôn khổ cho các mục tiêu đầu tư, các hướng dẫn và các tham số được thống nhất chung giữa hai bên. Các khoản đầu tư sẽ được lựa chọn và nắm giữ theo các tiêu chí và hạn mức nêu ra trong tài liệu này.

1.2 Compliance

The Statement is intended to comply with and cascade down from the *MFC Investment Guidelines* document (prepared by Investments and approved annually by a sub-committee of the Board of Directors).

Chính sách này nhằm mục đích tuân thủ và cụ thể hóa Tài liệu Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife (do Bộ phận Đầu tư chuẩn bị và được phê duyệt hàng năm bởi một Tiểu ban của Hội đồng Quản trị).

The Statement is intended to additionally comply with and cascade down from the applicable *Investment Guidelines* of each subsidiary with respect to the assets and liabilities held within that subsidiary.

Chính sách này nhằm mục đích bổ sung và cụ thể hóa Hướng dẫn đầu tư áp dụng cho từng công ty con đối với tài sản và nghĩa vụ nợ trong công ty con đó.

The Statement also takes into account, where possible, other key company policies such as those listed below. It is also recognized that investment activity in general must comply with the requirements of these and other relevant policies not listed.

Chính sách này cũng tính đến, nếu có thể, các chính sách quan trọng khác của công ty đồng thời cũng thừa nhận rằng hoạt động đầu tư nói chung phải tuân

thủ các yêu cầu của các chính sách này và các chính sách liên quan khác (nếu có).

- Capital Management Policy (Chính sách quản lý vốn)
- Enterprise Risk Policy (Chính sách rủi ro doanh nghiệp)
- Fixed Income Securities Credit Policy (Chính sách tín dụng chứng khoán thu nhập cố định)
- Foreign Exchange Policy (Chính sách ngoại hối)
- General Fund Derivatives Usage Policy (Chính sách phái sinh chung)
- General Fund Securities Lending Policy (Chính sách cho vay tín dụng chung)
- Global Banking Policy (Chính sách ngân hàng toàn cầu)
- Inter-Segment Note Policy (Chính sách hối phiếu danh mục)
- Liquidity Pool Investment Guidelines (Chính sách đầu tư tài sản thanh khoản)
- Liquidity Risk Management Policy (Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)
- Mortgage Credit Policy (Chính sách tín dụng thế chấp)
- Pledging Policy (Chính sách cam kết)
- Securities Counterparty Policy (Chính sách đối tác chứng khoán)
- Target Asset Mix and Asset Benchmarks Policy (Chính sách tham chiếu cơ cấu tài sản mục tiêu)

The MFC Investment Guidelines and the other policies listed in this section can be found on MFCentral under Company Policies. If the policy does not appear, check the Restricted Policies list and contact the appropriate Policy Coordinator. Hướng dẫn đầu tư của Tập đoàn Tài chính Manulife và các chính sách khác đề cập trong mục này có thể tìm thấy tại MFCentral – Chính sách công ty. Nếu không có, hãy tìm tại danh sách các chính sách hạn chế và liên hệ đội ngũ phụ trách chính sách.

1.3 Approval Process

The following individuals shall review and approve the Statement of Investment Policies and Goals biennially:

Các cá nhân sau đây sẽ xem xét và thông qua Chính sách và Mục tiêu Đầu tư hai năm một lần:

- EVP & CFO, Asia Division;
Phó chủ tịch điều hành & Giám đốc Tài chính, Khu vực Châu Á
- AVP & CFO, Vietnam;
Trợ lý Phó chủ tịch & Giám đốc Tài chính, Việt Nam;
- SVP & Head of Investments, Asia General Account;

- Phó chủ tịch cao cấp và Trưởng Bộ phận Đầu tư, Tài khoản Chung Châu Á;
- VP & Head of Global Asset Liability Management.
Phó chủ tịch & Trưởng Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có Toàn cầu.

Any amendments to the statement of Investment Policies and Goals must be presented to the Vietnam and Asia Divisional ALCOs, and approved by the above listed authorities.

Bất kỳ sửa đổi nào cho Bản tuyên bố về chính sách và mục tiêu đầu tư phải được trình bày cho các Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ/Có (ALCO) của Việt Nam và Châu Á phải được các Ủy ban nêu trên phê duyệt.

1.4 Effective Date

This Statement is effective from April 30, 2016.

Chính sách này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 04 năm 2016.

2 Segment Overview

2.1 High Level Product Description

The Vietnam Par – Post 2006 segment contains assets supporting the surplus and liabilities of participating policies issued from January 1, 2006 and onwards. The surplus portion of this segment is subjected to a 70/30 sharing requirement between the policyholders and the shareholder. The products supported by assets under this segment include are mostly endowment products. They include Education Endowment, Saving Care, Endowment 6-10-15-20, Endowment to 55-60, Premier Endowment 12-15-20, Flexi-Endowment 10-15, VPO, My Future (New Education Endowment), My Family, My Life, and Simple Education.

Danh mục này bao gồm tài sản hỗ trợ nợ phải trả của các hợp đồng có chia lãi kể từ ngày 01/01/2006. Vốn chủ sở hữu trong danh mục này được chia theo tỷ lệ 70/30 cho chủ sở hữu và chủ hợp đồng bảo hiểm. Các sản phẩm được hỗ trợ bởi các tài sản thuộc danh mục này bao gồm phần lớn là các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp. Bao gồm Bảo hiểm Giáo Dục, Bảo hiểm Saving Care, Bảo hiểm định kỳ 6-10-15-20 năm, Bảo hiểm 55-60 tuổi, Bảo hiểm đặc biệt 12-15-20 năm, Bảo hiểm 10-15 năm, VPO, Tương lai của tôi (BH Giáo dục mới), Tổ ấm bình yên, Cuộc sống ước mơ, và BH Giáo dục

2.2 Expected Cash Flows

The cash flows are expected to be positive over the foreseeable future. As this business is still being actively sold, this segment is expected to continue to grow.

Dòng tiền dự kiến sẽ có giá trị dương trong thời gian sắp tới. Việc kinh doanh các sản phẩm của Danh mục này dự kiến sẽ phát triển mạnh hơn trong tương lai.

2.3 Embedded Guarantees and Options

There are no material guarantees in this segment.

Không có bảo đảm.

2.4 Liquidity Requirements

This segment does not have significant liquidity needs. The liabilities are long-term and premium payments will continue for the foreseeable future. Cash Outflows are required for death claims and cash surrender values.

Danh mục này không có nhu cầu thanh khoản đáng kể. Nợ phải trả là các khoản phí bảo hiểm trong thời gian sắp tới. Các khoản thanh toán chủ yếu là cho các khoản bồi thường tử kỳ và giá trị hoàn lại.

2.5 Currency

Assets are segmented and generally matched to liabilities.
Tài sản được phân bổ và phù hợp với cơ cấu nợ.

In this segment, the liabilities are entirely denominated in Vietnamese Dong (VND).

Trong danh mục này, nợ phải trả được thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND)

2.6 Duration

The duration of the liabilities is approximately 20 years.
Thời gian đáo hạn nợ của Danh mục khoảng 20 năm.

3 Investment Parameters

3.1 Investment Mandate

The Segment is invested in accordance with the Target Return Investment Strategy. This segment is permitted to invest in a combination of fixed income and non-fixed income assets.

Danh mục được đầu tư theo Chính lược đầu tư mục tiêu. Danh mục này được phép đầu tư vào tài sản có lãi suất cố định và tài sản không có lãi suất cố định.

Please see the Vietnam Liability and Surplus Segments Master Investment Policy for detail on the investment strategy.

Vui lòng tham khảo Danh mục Vốn Chủ sở hữu và Nợ thuộc Chính sách Đầu tư Tổng thể Việt Nam để biết chi tiết về chiến lược đầu tư

3.2 Reinsurance Treaty Restrictions

None of the liabilities of the Segment have been reinsured on either a Modified Coinsurance or Funds Withheld basis.

Không có khoản nợ nào của Danh mục này được tái bảo hiểm trên cơ sở đồng bảo hiểm hoặc khoản quỹ được giữ lại.

4 Sign Offs

The undersigned, on behalf of their business units, have read and agree with the investment objectives and investment management parameters set out in this Statement. The parties acknowledge that the investment objectives may be further defined in order to provide greater clarity. This Statement will remain in effect until such time that a restated and amended Statement is prepared.

Người phê duyệt dưới đây, thay mặt các bộ phận, đã đọc và đồng ý với các mục tiêu đầu tư và các thông số quản lý đầu tư được nêu trong Chính sách này. Các bên đồng ý rằng các mục tiêu đầu tư có thể được xác định chi tiết để làm rõ hơn. Chính sách này sẽ có hiệu lực cho đến khi có Chính sách sửa đổi khác.

Philip Witherington
EVP & CFO, Asia Division

Date:

Felix Lai
AVP & CFO, Vietnam

Date:

Robin Li
SVP & Head of Investment, Asia General Account

Date:

Gerald Posthuma
VP & Head of Global Asset Liability Management

Date: